

Phần thứ ba

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

A. TẠI ĐỊA ĐIỂM THỨ NHẤT (3): XÃ VĂN BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP HÀ NỘI

I. Ngành Công nghệ Ô tô, trình độ Cao đẳng, quy mô tuyển sinh/năm: 30 học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có): Phía Trường CST không có yêu cầu cụ thể về danh mục cơ sở vật chất. (Nội dung đã được xác nhận qua thư của Trường). CTECH chủ động để đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo cho học sinh đạt năng lực tiếng Hàn Quốc (Topik) từ cấp 2 trở lên.

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (6)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 05 phòng (tổng diện tích: 300m²).

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 11 phòng, xưởng (tổng diện tích: 770m²).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 0 phòng, cơ sở (tổng diện tích: ... m²).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (7)

PHÒNG 1: PHÒNG KỸ THUẬT CƠ SỞ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Máy in	Chiếc	1
4	Mô hình mối ghép ren - then - then hoa	Bộ	0
5	Mô hình các trục, ổ trục và khớp nối	Bộ	1
6	Mô hình các cơ cấu truyền chuyển động quay	Bộ	1
7	Mô hình cơ cấu biến đổi chuyển động	Bộ	1
	<i>Cơ cấu tay quay - con trượt</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Thanh răng - bánh răng</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Trục vít - bánh vít</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Các cơ cấu khác</i>	<i>Bộ</i>	1
8	Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí	Bộ	1

	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Thước cặp</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Pan me đo ngoài</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Đồng hồ so</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Dưỡng ren</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Căn mẫu</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Com pa vạch</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Com pa đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Com pa đo ngoài</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Bộ mẫu so độ nhám</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Ca líp trục</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Ca líp lỗ</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước đo chiều sâu</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước vạch dấu</i>	<i>Chiếc</i>	3
9	Vật thể mẫu	Bộ	3
10	Bộ mẫu nhiên liệu, vật liệu khai thác và bôi trơn	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Xăng</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Dầu Diezen</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Dầu Diezen sinh học</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Dầu bôi trơn động cơ</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Dầu cầu</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Dầu phanh</i>	<i>Lít</i>	1
11	Bộ mẫu vật liệu	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Vật liệu kim loại</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Vật liệu phi kim loại</i>	<i>Bộ</i>	1
	TỔNG		11

PHÒNG 2: PHÒNG THỰC HÀNH MÁY VI TÍNH

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	19
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Hệ thống mạng LAN	Bộ	1
4	Tủ đựng tài liệu		2
5	Máy in	Bộ	1
6	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18
	TỔNG		42

PHÒNG 3: PHÒNG NGOẠI NGỮ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
6	Máy vi tính	Bộ	30
7	Tai nghe	Bộ	30
8	Máy scanner	Chiếc	1
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1
	TỔNG		67

PHÒNG 4: PHÒNG THỰC HÀNH ĐIỆN CƠ BẢN

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	1
3	Bộ khí cụ điện	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Công tắc 2 cực</i>	<i>Chiếc</i>	1

	<i>Công tắc 3 cực</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Công tắc 4 cực</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Công tắc 6 cực</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Công tắc xoay</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cầu dao 2 cực</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cầu dao 1 đảo chiều</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cầu dao 3 pha</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Nút nhấn</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Khóa điện</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Nút cắt khẩn cấp</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Công tắc tơ</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Role nhiệt</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Role điện áp</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Role dòng</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Role trung gian</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Role thời gian</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Áp tô mát 1 pha</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Áp tô mát 3 pha</i>	<i>Chiếc</i>	1
4	Bộ thí nghiệm mạch điện xoay chiều	Bộ	6
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Mô đun nguồn cung cấp</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Mô đun tải thuần trở, thuần cảm, thuần dung, mạch xoay chiều R-L-C nối tiếp, mạch R//L, R//C, L//C</i>	<i>Bộ</i>	1
5	Bộ thí nghiệm mạch điện một chiều	Bộ	6
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Mô đun nguồn cung cấp</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Thiết bị đo điện trở (Dùng cầu cân bằng Kelvin hoặc đồng hồ đo Ôm chỉ thị số)</i>	<i>Bộ</i>	1
6	Bộ dụng cụ đo điện	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		

	<i>Đồng hồ cosF</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Ampemet AC</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Vonmet AC</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Ampemet DC</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Vonmet DC</i>	<i>Chiếc</i>	3
	TỔNG		16

PHÒNG 5: PHÒNG THỰC HÀNH HÀN CƠ BẢN

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Máy mài 2 đá	Chiếc	0
4	Máy hàn hồ quang xoay chiều	Chiếc	5
5	Máy hàn hồ quang tay 1 chiều	Chiếc	3
6	Dụng cụ cầm tay nghề hàn	Bộ	6
7	Bảo hộ lao động nghề hàn	Bộ	6
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Kính bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Giày da</i>	<i>Đôi</i>	1
	<i>Găng tay</i>	<i>Đôi</i>	1
	<i>Mũ</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Quần áo bảo hộ</i>	<i>Bộ</i>	1
8	Bàn hàn đa năng	chiếc	6
9	Đồ gá hàn	Bộ	6
10	Ca bin hàn	Bộ	0
11	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	1
12	Máy mài cầm tay	Chiếc	2
13	Các sản phẩm mẫu gia công hàn	Bộ	6
14	Chổi quét phoi	Chiếc	6
15	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	1

16	Giá đỡ phôi	Chiếc	1
17	Thùng chứa phôi	Chiếc	1
18	Bàn nguội có ê tô	Chiếc	18
19	Khay đựng chi tiết	Bộ	12
	TỔNG		

PHÒNG 6: PHÒNG THỰC HÀNH NGUỘI, GÒ CƠ BẢN

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Máy khoan	Chiếc	2
4	Máy mài 2 đá	Chiếc	2
5	Máy mài cầm tay	Chiếc	2
6	Các sản phẩm mẫu gia công nguội	Bộ	6
7	Các sản phẩm mẫu gia công gò	Bộ	6
8	Máy cắt kim loại	Chiếc	1
9	Bàn mấp	Chiếc	1
10	Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>		
	<i>Thước cặp</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Dưỡng ren</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước đo cao</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Êke 90°, êke 120°</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Compa vạch dấu</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Đài vạch</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Căn lá</i>	<i>Chiếc</i>	6
11	Đục bằng	Chiếc	18
12	Đục nhọn các loại	Chiếc	36
13	Mũi khoan các loại	Bộ	1

14	Bầu cặp mũi khoan	Chiếc	6
15	Áo côn	Chiếc	1
16	Bàn ren + tarô các loại	Bộ	6
17	Dũa các loại	Bộ	6
18	Khối V	Chiếc	6
19	Khối D	Chiếc	6
20	Búa nguội	Chiếc	18
21	Mũi đột	Chiếc	18
22	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	1
23	Giá đỡ phôi	Chiếc	1
24	Thùng chứa phoi	Chiếc	1
25	Đe thuyền	Chiếc	3
26	Bàn nguội có ê tô	Chiếc	18
27	Khay đựng chi tiết	Bộ	12
28	Giá chữ V	Bộ	6
	TỔNG		187

PHÒNG 7: PHÒNG THỰC HÀNH ĐỘNG CƠ Ô TÔ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	19
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	1
3	Động cơ ô tô (tháo lắp)	Chiếc	4
4	Động cơ ô tô (vận hành)	Chiếc	5
5	Mô hình cắt bỏ động cơ xăng 4 kỳ	Chiếc	1
6	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE	Bộ	1
7	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE	Bộ	1
8	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	1
9	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	1

10	Máy mài xu páp	Bộ	2
11	Thiết bị doa ổ đặt xupap và ống dẫn hướng xupáp	Bộ	0
12	Mô hình hệ thống phun xăng điện tử	Bộ	0
13	Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng	Bộ	1
14	Hệ thống khí nén	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Máy nén khí</i>	Bộ	1
	<i>Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt</i>	Bộ	4
	<i>Súng xịt khí</i>	Chiếc	1
15	Động cơ diesel dùng bơm cao áp điều khiển điện tử	Chiếc	1
16	Bàn thực hành tháo, lắp	Bộ	1
17	Bàn máp	Chiếc	1
18	Cầu móc động cơ	Chiếc	1
19	Máy kéo nắn và kiểm tra tay biên	Chiếc	1
20	Máy rửa nước áp lực cao	Bộ	1
21	Bộ dụng cụ đo	Bộ	2
	<i>Mỗi bộ gồm</i>		
	<i>Căn lá</i>	Bộ	2
	<i>Thước cặp 1/10</i>	Chiếc	1
	<i>Thước cặp 1/20</i>	Chiếc	1
	<i>Thước cặp 1/50</i>	Chiếc	1
	<i>Thước cặp điện tử</i>	Chiếc	1
	<i>Pan me đo ngoài loại (0÷25)mm</i>	Chiếc	1
	<i>Pan me đo ngoài loại (25÷50)mm</i>	Chiếc	1
	<i>Pan me đo ngoài loại (50÷75)mm</i>	Chiếc	1
	<i>Pan me đo ngoài loại</i>	Chiếc	1
	<i>(75÷100)mm</i>		
	<i>Pan me đo trong</i>	Chiếc	1
	<i>Dưỡng ren</i>	Chiếc	2
	<i>Com pa đo trong</i>	Chiếc	2
	<i>Com pa đo ngoài</i>	Chiếc	2

	<i>Đồng hồ so đo lỗ</i>	Bộ	3
	<i>Đồng hồ so đo trục</i>	Bộ	3
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	Chiếc	3
22	Tủ dụng cụ tháo lắp	Chiếc	3
23	Bộ dụng cụ ta rô ren trong	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Ta rô</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Bàn ren</i>	<i>Bộ</i>	1
24	Bộ dụng cụ ta rô ren ngoài	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Ta rô</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Bàn ren</i>	<i>Bộ</i>	1
25	Bộ vam tháo sơ mi - xy lanh	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Trục vam</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Đế vam</i>	<i>Chiếc</i>	1
26	Giá treo động cơ	Chiếc	3
27	Khay đựng chi tiết	Bộ	6
28	Xe đẩy chi tiết	Chiếc	6
29	Dụng cụ kiểm tra sức căng dây đai	Bộ	1
30	Máy rà xupáp cầm tay	Bộ	1
31	Dụng cụ đo độ chân không	Bộ	1
32	Vam tháo Pu ly bơm cao áp	Bộ	3
33	Vam tháo ổ bi đĩa	Bộ	3
34	Clê lực	Bộ	3
35	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	6
36	Kìm tháo đầu nối nhanh cho ống dẫn nhiên liệu	Chiếc	1
37	Bộ dụng cụ nhỏ bu lông	Bộ	3
38	Đầu gấp nam châm	Chiếc	6
39	Dao cạo mặt phẳng	Chiếc	19
40	Dao cạo mặt cong	Chiếc	19

41	Đèn pin	Chiếc	6
42	Giá chữ V	Chiếc	7
43	Giá đỡ cụm piston thanh truyền chuyên dụng	Chiếc	6
44	Kìm tháo xéc măng	Chiếc	3
45	Máy ép thủy lực	Chiếc	0
46	Pa lăng	Bộ	1
47	Súng vận bu - lông, ê-cu vận hành bằng khí nén	Bộ	3
48	Thiết bị soi	Bộ	1
49	Vòng ép xéc măng	Chiếc	3
	TỔNG		49

PHÒNG 8: PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Mô hình cắt bỏ động cơ xăng 4 kỳ	Chiếc	1
4	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	1
5	Mô hình cắt bỏ động cơ diesel 4 kỳ	Chiếc	1
6	Mô hình hệ thống phun xăng điện tử	Bộ	1
7	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp VE	Bộ	1
8	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng bơm cao áp PE	Bộ	1
9	Mô hình hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel điều khiển điện tử	Bộ	1
10	Các cụm tháo rời của hệ thống bôi trơn	Bộ	1
11	Các cụm tháo rời của hệ thống làm mát	Bộ	1
12	Các bộ phận tháo rời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ xăng dùng chế hòa khí	Bộ	3
13	Thiết bị kiểm tra áp suất bơm xăng	Bộ	1

14	Giá chuyên dùng cho tháo, lắp vòi phun	Chiếc	3
15	Giá chuyên dùng treo bơm cao áp	Chiếc	3
16	Bộ đồng hồ đo áp suất của bơm cấp	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Đồng hồ</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Đầu nối chữ T</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Đầu nối thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	2
17	Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu và làm sạch động cơ Diesel	Bộ	1
18	Máy cân bơm cao áp	Chiếc	1
19	Thiết bị kiểm tra vòi phun nhiên liệu	Bộ	1
20	Máy rửa siêu âm	Bộ	1
21	Đèn soi cục bộ	Chiếc	6
22	Các bộ phận tháo rời của hệ thống phun xăng điện tử	Bộ	6
23	Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng	Bộ	1
24	Thiết bị thông rửa hệ thống nhiên liệu	Bộ	1
25	Hệ thống khí nén	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Máy nén khí</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt</i>	<i>Bộ</i>	4
	<i>Súng xịt khí</i>	<i>Chiếc</i>	1
26	Giá chuyên dùng cho tháo, lắp bơm cao áp	Chiếc	3
27	Bộ đồng hồ đo áp suất của bơm cấp	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Đồng hồ</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Đầu nối chữ T</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Đầu nối thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	2
28	Bàn thực hành tháo, lắp	Bộ	1
29	Bàn mấp	Chiếc	1
30	Máy rửa nước áp lực cao	Bộ	1
31	Bộ dụng cụ đo	Bộ	3

	Mỗi bộ gồm		
	Căn lá	Bộ	3
	Thước cặp 1/10	Chiếc	1
	Thước cặp 1/20	Chiếc	1
	Thước cặp 1/50	Chiếc	1
	Thước cặp điện tử	Chiếc	1
	Pan me đo ngoài loại (0÷25)mm	Chiếc	1
	Pan me đo ngoài loại (25÷50)mm	Chiếc	1
	Pan me đo ngoài Loại (50÷75)mm	Chiếc	1
	Pan me đo ngoài loại (75÷100)mm	Chiếc	1
	Pan me đo trong	Chiếc	1
	Dưỡng ren	Chiếc	2
	Compa đo trong	Chiếc	2
	Compa đo ngoài	Chiếc	2
	Đồng hồ so đo lỗ	Bộ	3
	Đồng hồ so đo trục	Bộ	3
	Thước kiểm phẳng	Chiếc	3
32	Tủ dụng cụ tháo lắp	Chiếc	3
33	Bộ dụng cụ ta rô ren trong	Bộ	1
	Mỗi bộ gồm:		
	Ta rô	Bộ	1
	Bàn ren	Bộ	1
34	Bộ dụng cụ tarô ren ngoài	Bộ	1
	Mỗi bộ gồm:		
	Ta rô	Bộ	1
	Bàn ren	Bộ	1
35	Khay đựng chi tiết	Bộ	6
36	Xe đế chi tiết	Chiếc	3
37	Dụng cụ đo độ chân không	Bộ	1
38	Vam tháo Pu ly bơm cao áp	Bộ	1

39	Vam tháo ổ bi đĩa	Bộ	1
40	Vam ép lò xo piston bơm cao áp	Chiếc	3
41	Clê lực	Bộ	3
42	Kìm tháo đầu nối nhanh cho ống dẫn nhiên liệu	Chiếc	1
43	Bộ dụng cụ nhỏ bu lông	Bộ	3
44	Đầu gấp nam châm	Chiếc	6
45	Đèn Pin	Chiếc	6
46	Giá chữ V	Chiếc	12
47	Máy ép thủy lực	Chiếc	1
48	Súng vắn bu lông, ê cu vận hành bằng khí nén	Bộ	3
	TỔNG		48

PHÒNG 9: PHÒNG THỰC HÀNH GÀM Ô TÔ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	1
3	Mô hình hệ thống truyền lực	Bộ	1
4	Hệ thống truyền lực	Bộ	1
5	Xe ô tô (số tay)	Chiếc	1
6	Mô hình hệ thống phanh ABS	Chiếc	1
7	Mô hình Hệ thống phanh dầu	Bộ	1
8	Hệ thống phanh dầu	Bộ	3
9	Bộ ly hợp	Bộ	3
10	Hộp số cơ khí	Chiếc	3
11	Hộp số tự động	Chiếc	3
12	Bộ truyền động các đăng trên ô tô	Bộ	3
13	Hệ thống phanh khí nén	Bộ	4
14	Hệ thống lái cơ khí tổng hợp	Chiếc	3
15	Hệ thống lái trợ lực thủy lực	Chiếc	3
16	Hệ thống lái trợ lực điện	Chiếc	3

17	Các bộ phận tháo rời của hệ thống lái	Bộ	6
18	Thiết bị kiểm tra hiệu chỉnh trợ lực lái	Chiếc	3
19	Hệ thống treo độc lập	Chiếc	2
20	Hệ thống treo phụ thuộc	Chiếc	1
21	Cơ cấu phanh tay	Bộ	3
22	Các bộ phận tháo rời của bộ trợ lực phanh	Bộ	6
23	Thiết bị xả khí hệ thống phanh dầu	Chiếc	1
24	Thiết bị lág, sửa chữa phanh đĩa trên xe	Bộ	1
25	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe	Chiếc	3
26	Bệ thử phanh	Bộ	1
27	Các cụm tháo rời của hệ thống phanh ABS	Bộ	3
28	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	6
29	Thiết bị đo áp suất dầu hộp số tự động	Chiếc	3
30	Thiết bị xả dầu hộp số tự động	Chiếc	3
31	Thiết bị bơm dầu hộp số tự động	Chiếc	3
32	Biến mô thủy lực	Bộ	6
33	Bộ moay ơ	Bộ	6
34	Máy chẩn đoán	Chiếc	1
35	Máy mài bàn ép ly hợp	Chiếc	1
36	Máy rửa áp lực cao	Chiếc	1
37	Máy mài cầm tay	Chiếc	3
38	Máy khoan cầm tay	Máy	3
39	Máy tán đinh Ri V	Chiếc	1
40	Máy khoan bàn	Chiếc	1
41	Máy ép tuy ô thủy lực	Chiếc	1
42	Cầu nâng 2 trụ	Bộ	1
43	Thiết bị rửa chi tiết	Bộ	1
45	Hệ thống khí nén	Bộ	1
	<i>Bao gồm</i>		
	<i>Máy nén khí</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Dây dẫn khí, vòi xịt</i>	<i>Bộ</i>	1

	<i>Súng xịt khí</i>	<i>Chiếc</i>	1
46	Cầu nâng cắt kéo	Bộ	1
47	Băng chạy rà hộp số	Bộ	1
48	Vỏ xe ô tô	Bộ	3
49	Bộ khung xe	Bộ	3
50	Máy hàn khí	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Đồng hồ axetylen</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Bình axetylen</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Đồng hồ ô xy</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Chai ô xy</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Dây dẫn khí đôi</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Mỏ hàn</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Máy lửa chuyên dùng</i>	<i>Chiếc</i>	1
51	Phòng sơn	Phòng	1
52	Tủ dụng cụ tháo lắp	Bộ	3
53	Bộ dụng cụ đo	Bộ	3
	<i>Mỗi bộ gồm</i>		
	<i>Căn lá</i>	<i>Bộ</i>	3
	<i>Thước cặp 1/10</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp 1/20</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp 1/50</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài Loại (0÷25)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài Loại (25÷50)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài Loại (50÷75)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài Loại</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>(75÷100)mm</i>		
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Dưỡng ren</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Compa đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	2

	<i>Compa đo ngoài</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Đồng hồ so đo lỗ</i>	<i>Bộ</i>	3
	<i>Đồng hồ so đo trục</i>	<i>Bộ</i>	3
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	3
54	Súng vắn bu lông	Chiếc	3
55	Bàn thực hành tháo, lắp	Chiếc	6
56	Đèn Pin	Chiếc	6
57	Mề kê ô tô	Chiếc	4
58	Vam chuyên dùng	Bộ	1
59	Khay đựng chi tiết	Chiếc	18
60	Dụng cụ bơm dầu hộp số, dầu cầu	Chiếc	1
61	Dụng cụ bơm mỡ bằng tay	Chiếc	1
62	Dụng cụ bơm mỡ bằng khí nén	Chiếc	1
63	Vam moay ơ đầu trục bánh xe	Chiếc	3
64	Vam ép Pít tông phanh	Chiếc	3
65	Bộ cờ lê chuyên dụng	Bộ	3
66	Bộ kim chuyên dùng cho tháo, lắp phanh	Bộ	3
	<i>Kim tháo, lắp lò xo má phanh</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Kim kẹp ống ty ô</i>	<i>Chiếc</i>	1
67	Bộ vam tháo vô lăng	Bộ	3
68	Vam rô tuyn	Chiếc	3
69	Dụng cụ kiểm tra độ rơ vô lăng lái	Bộ	3
70	Vam chuyên dùng	Bộ	1
71	Vam moay ơ đầu trục bánh xe	Bộ	3
72	Vam tháo lò xo giảm xóc	Bộ	3
73	Bộ thước đo cầm tay chuyên dụng cho sửa chữa vỏ xe	Bộ	3
74	Búa và đe tay chuyên dụng cho thợ gò	Bộ	6
75	Dụng cụ kiểm tra khớp 1 chiều	Bộ	3
76	Súng phun sơn	Chiếc	3
77	Giá đỡ hộp số	Bộ	3
78	Dụng cụ đo áp suất dầu hộp số tự động	Bộ	1

79	Giá đỡ hộp số, cầu xe	Chiếc	3
	TỔNG		222

PHÒNG 10: PHÒNG THỰC HÀNH ĐIỆN Ô TÔ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projecter)	Bộ	1
3	Xe ô tô(số tự động)	Chiếc	1
4	Sa bàn hệ thống điện	Bộ	1
5	Sa bàn hệ thống smartkey	Bộ	1
6	Hệ thống điều hòa thông thường	Bộ	1
7	Mô hình hệ thống điện thân xe	Chiếc	1
8	Máy phát điện	Chiếc	6
9	Băng thử máy phát, máy đề tích hợp	Bộ	2
10	Pa nen mạch điện ô tô: Hệ thống chiếu sáng, đánh lửa, tín hiệu, khởi động	Bộ	3
11	Máy khởi động	Chiếc	6
12	Hệ thống đánh lửa bằng điện tử không tiếp điểm	Bộ	3
13	Các bộ phận tháo rời của hệ thống đánh lửa điện tử và bán dẫn	Bộ	6
14	Dụng cụ kiểm tra và làm sạch bu gi	Bộ	1
15	Thiết bị đo góc đánh lửa sớm của động cơ xăng và góc phun sớm của động cơ diesel tích hợp	Chiếc	1
16	Các bộ phận tháo rời của hệ thống chiếu sáng	Bộ	6
17	Hệ thống âm thanh	Bộ	2
18	Thiết bị kiểm tra đèn pha	Bộ	1
19	Hệ thống điều hòa tự động	Bộ	1
20	Các bộ phận tháo rời của hệ thống điều hoà	Bộ	6
21	Máy nén điều hòa	Chiếc	6
22	Máy nạp ga	Bộ	2

23	Máy ép tuy ô thủy lực	Bộ	1
24	Công tắc gạt mưa, bơm nước rửa kính	Chiếc	6
25	Công tắc nâng hạ kính	Chiếc	2
26	Mô tơ bơm nước rửa kính	Chiếc	2
27	Mô tơ gạt mưa	Chiếc	2
28	Mô tơ nâng hạ kính	Chiếc	6
29	Hệ thống khí nén	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ gồm:</i>		
	<i>Máy nén khí</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt</i>	<i>Bộ</i>	4
	<i>Súng xịt khí</i>	<i>Chiếc</i>	1
30	Ắc quy	Chiếc	3
31	Máy chẩn đoán	Chiếc	3
32	Máy sạc ắc quy có trợ đề	Chiếc	1
33	Thiết bị rửa chi tiết	Chiếc	1
34	Cầu nâng 2 trụ	Bộ	1
35	Khay đựng chi tiết	Chiếc	18
36	Dụng cụ tháo lắp	Bộ	3
37	Tỷ trọng kế	Chiếc	3
38	Kìm bấm đầu cốt	Chiếc	18
39	Kìm tuốt dây điện	Chiếc	18
40	Dụng cụ kiểm tra ắc quy	Chiếc	3
41	Bàn thực hành tháo, lắp	Chiếc	6
42	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	3
43	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	6
44	Bộ dụng cụ đo kiểm cơ khí:	Bộ	1
	<i>Cẩn lá</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp 1/10</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp 1/20</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp 1/50</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	1

	<i>Pan me đo ngoài loại (0÷25)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài loại (25÷50)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài loại (50÷75)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo ngoài loại (75÷100)mm</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Đồng hồ so đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Đồng hồ so đo ngoài</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước dây</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	1
45	Mề kê ô tô	Chiếc	4
46	Vam chuyên dùng:	Chiếc	6
	<i>Vam 2 chấu</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Vam 3 chấu</i>		
	<i>Vam giật</i>		
47	Máy hàn xung	Chiếc	6
48	Ê tô	Chiếc	18
49	Dụng cụ cắt ống và loc đầu ống	Bộ	18
50	Vam ép cút nối	Bộ	18
51	Dụng cụ uốn ống điều hoà	Bộ	6
52	Thiết bị kiểm tra rò gas	Chiếc	1
53	Bộ dụng cụ chuyên dùng bảo dưỡng điều hoà	Bộ	
54	Dụng cụ khò	Bộ	2
55	Giá đỡ cửa xe	Chiếc	2
56	Giá đỡ kính chắn gió	Chiếc	2
57	Bộ đồ nghề tháo, lắp kính chắn gió	Bộ	2
58	Bộ dụng cụ ép kính lái	Bộ	2
59	Đèn Pin	Chiếc	18
	TỔNG		268

PHÒNG 11: PHÒNG HỌC KỸ THUẬT CHUẨN ĐOÁN VÀ KIỂM ĐỊNH

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Cầu nâng hai trụ	Chiếc	1
4	Cầu nâng 4 trụ có kích phụ	Chiếc	1
5	Bộ súng vận ốc	Bộ	3
6	Hệ thống khí nén	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Máy nén khí</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Cuộn dây dẫn khí, vòi xịt</i>	<i>Bộ</i>	<i>4</i>
	<i>Súng xịt khí</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
7	Đồng hồ vận năng	Chiếc	6
8	Máy nạp ắc quy có trợ đề	Chiếc	1
9	Máy kiểm tra ắc quy	Chiếc	3
10	Thiết bị kiểm tra vòi phun động cơ xăng	Chiếc	3
11	Thiết bị đo góc đánh lửa sớm của động cơ xăng và góc phun sớm của động cơ diesel tích hợp	Chiếc	2
12	Máy chẩn đoán	Chiếc	1
13	Thiết bị phân tích khí xả động cơ xăng	Chiếc	1
14	Thiết bị phân tích khí xả động cơ Diesel	Chiếc	1
15	Tai nghe tiếng gõ động cơ	Bộ	3
16	Thiết bị đo áp suất nén động cơ xăng	Bộ	1
17	Thiết bị đo áp suất buồng đốt động cơ diesel	Bộ	1
18	Thiết bị soi quan sát bên trong động cơ	Bộ	2
19	Đồng hồ đo áp suất dầu bôi trơn	Bộ	1
20	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe	Bộ	1
21	Thiết bị đo áp suất dầu trợ lực lái	Bộ	3
22	Thiết bị xả khí hệ thống phanh dầu	Chiếc	1
23	Bộ thử phanh	Bộ	1
24	Thiết bị kiểm tra chất lượng dầu phanh	Chiếc	1

25	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	Chiếc	1
26	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	Chiếc	1
27	Xe ô tô tải	Chiếc	1
28	Xe ô tô tải	Chiếc	1
29	Thiết bị kiểm tra độ ồn	Chiếc	1
30	Thiết bị đo tiêu hao nhiên liệu	Bộ	2
31	Thiết bị kiểm tra đèn pha	Bộ	2
32	Thiết bị kiểm tra rung lắc 3 chiều	Chiếc	2
33	Thiết bị rửa chi tiết	Bộ	2
34	Thiết bị đo áp suất nén động cơ xăng	Bộ	1
35	Thiết bị đo áp suất nén động cơ Diesel	Bộ	1
36	Tủ dụng cụ tháo lắp	Bộ	3
37	Kích cá sấu	Chiếc	3
38	Kích con đội thủy lực	Chiếc	3
39	Mề kê ô tô	Bộ	3
40	Bộ súng vặn ốc	Bộ	3
41	Clê lực	Bộ	3
42	Thước kẹp hiển thị số	Bộ	3
43	Bàn thực hành tháo, lắp	Bộ	9
44	Khay đựng chi tiết	Bộ	12
	TỔNG		90

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài.

Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, an toàn trong quá trình giảng dạy.

2. Đội ngũ nhà giáo (8)

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định: Giáo viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Hàn và có chứng chỉ năng lực Tiếng Hàn bậc 4 (Topik 4) trở lên.

b) Tổng số nhà giáo: 03 người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 03 người.

- Nhà giáo thỉnh giảng: 0 người (tổng số giờ giảng dạy/năm:.....giờ/năm).
- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy:...người (tổng số giờ...giảng dạy/năm:... giờ/năm).
- c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 10 học sinh, sinh viên/nhà giáo.
- d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Văn Thị Tuyết	CĐ Tiếng Hàn	NVSP ĐH, CĐ	CĐ Tiếng Hàn	MH01: Nhập môn tiếng Hàn. MĐ02, MĐ06, MĐ13: Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ03, MĐ07, MĐ14: Viết tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ17, MĐ19: Thực hành năng lực tiếng Hàn.
2	Bùi Thị Huệ	CĐ Tiếng Hàn Quốc	NVSP TC Chuyên nghiệp	CĐ Tiếng Hàn Quốc	MĐ05, MĐ09, MĐ16: Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ04, MĐ08, MĐ15: Đọc hiểu tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ18, MĐ20: TH biên phiên dịch tiếng Hàn. MH21: Tiếng HQ thương mại.
3	Nguyễn Thu Hiền	CĐ Tiếng Hàn Quốc	NVSP TC Chuyên nghiệp	CĐ Tiếng Hàn Quốc	MH10: Địa lý kinh tế HQ. MH11: Lịch sử Hàn Quốc. MH12: Văn hoá xã hội và doanh nghiệp Hàn Quốc. MH22: Tiếng HQ soạn thảo văn bản. MH23: Tiếng HQ quản trị VP.

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Đội ngũ giáo viên đáp ứng đủ về số lượng, yêu cầu chuyên môn: có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Hàn từ Cao đẳng trở lên.

3. Chương trình đào tạo (9)

- Chương trình đào tạo: Ngành Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và có điểm trung bình từ 6,0 trở lên.
- Thời gian đào tạo: 03 năm học.
- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Cao đẳng Công nghệ ô tô.

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Giáo trình năm nhất học tại CTECH (Giáo trình tham khảo)

- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần ngữ pháp).
- Tiếng Hàn Yonsei 1-1 = Yonsei Korean 1-1/ Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 1- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn Yonsei 1-2 = Yonsei Korean 1-2 / Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 2- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần viết).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần đọc).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2011; (Phần nghe, nói).

b. Giáo trình, tài liệu năm 2,3 học tại Trường CST

Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST sẽ được học theo chương trình chuẩn của nhà trường, đảm bảo đúng quy định của Hàn Quốc.

II. Ngành Cơ khí, trình độ Cao đẳng, quy mô tuyển sinh/năm: 30 học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có): Phía Trường CST không có yêu cầu cụ thể về danh mục cơ sở vật chất. (Nội dung đã được xác nhận qua thư của Trường). CTECH chủ động để đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo cho học sinh đạt năng lực tiếng Hàn Quốc (Topik) từ cấp 2 trở lên.

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (6)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 05 phòng (tổng diện tích: 300m²).

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 06 phòng, xưởng (tổng diện tích: 420m²).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 0 phòng, cơ sở (tổng diện tích: ... m²).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (7)

PHÒNG 1: PHÒNG KỸ THUẬT CƠ SỞ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Máy in	Chiếc	1
4	Tủ đựng tài liệu, học liệu	Bộ	0
5	Tủ y tế	Bộ	1
6	Dụng cụ cứu thương	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	1
	Tủ kính		
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo; Băng băng, gạc, cồn sát trùng	Bộ	1
	Cáng cứu thương	Bộ	1
7	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	1
	Bình chữa cháy	Bộ	1
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy		1
8	Bảo hộ lao động	Chiếc	3
	Mỗi bộ bao gồm:	Chiếc	3

	<i>Giày da</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Mũ</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Kính bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Quần, áo bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	3
9	Mô hình môi ghép cơ khí	Chiếc	3
10	Mô hình các trục, ổ trục và khớp nối	Chiếc	3
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Trục</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Ổ trượt</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Ổ lăn</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Khớp nối</i>	<i>Chiếc</i>	3
11	Dụng cụ vẽ	Chiếc	3
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	3
	<i>Thước cong</i>	<i>Bộ</i>	3
	<i>Com pa</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Eke</i>		
12	Chi tiết cơ khí điển hình	Lít	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Khối trụ</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Chi tiết ống</i>	<i>Lít</i>	1
	<i>Mô hình khối hình học cơ bản</i>	<i>Lít</i>	1
13	Bảng vẽ	Lít	1
14	Bộ vật liệu mẫu nghề điện	Bộ	1
	TỔNG		76

PHÒNG 2: PHÒNG THỰC HÀNH MÁY VI TÍNH

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	19
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Hệ thống mạng LAN	Bộ	1
4	Tủ đựng tài liệu		2
5	Máy in	Bộ	1
6	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18
	TỔNG		42

PHÒNG 3: PHÒNG NGOẠI NGỮ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
6	Máy vi tính	Bộ	30
7	Tai nghe	Bộ	30
8	Máy scanner	Chiếc	1
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1
	TỔNG		67

PHÒNG 4: PHÒNG THỰC HÀNH CƠ KHÍ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy in	Bộ	01

4	Máy tiện vạn năng	Bộ	01
5	Máy mài 2 đá	Chiếc	01
6	Máy phay vạn năng	Chiếc	03
7	Đầu côn, bầu kẹp gá dao phay ngón	Bộ	03
8	Bộ trục gá dao phay đĩa, dao phay trụ	Bộ	03
9	Bầu cặp mũi khoan	Chiếc	03
10	Vấu kẹp	Bộ	06
	<i>Vấu kẹp</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bu lông, đai ốc kẹp</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Con đội</i>	<i>Chiếc</i>	01
11	Tủ để dụng cụ	Chiếc	01
12	Máy khoan cầm tay	Chiếc	03
13	Máy mài cầm tay	Chiếc	03
14	Tủ đựng tài liệu, học liệu	Bộ	01
15	Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	07
	<i>Búa nguội</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Búa cao su</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Dũa dẹt</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bộ cờ lê</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Mỏ lét</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bộ lục giác</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước cặp</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước ni vô</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Căn lá</i>	<i>Chiếc</i>	01
16	Bộ gia công ren	Bộ	06
	<i>Ta rô ren trong</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Tay quay ra rô</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Ta rô ren ngoài (bàn ren)</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Tay quay bàn ren</i>	<i>Chiếc</i>	01
	TỔNG		44

PHÒNG 5: PHÒNG THỰC HÀNH NGUỘI VÀ LẮP ĐẶT CƠ KHÍ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy khoan cầm tay	Chiếc	01
4	Máy mài cầm tay	Chiếc	01
5	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	01
6	Mô hình TH lắp ráp hệ thống truyền động cơ khí	Bộ	01
7	Tủ đựng tài liệu, học liệu	Bộ	01
8	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Tua vít hai cạnh</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Tua vít bốn cạnh</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm cắt</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm tuốt dây</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm uốn</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm điện</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm ép cốt</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bút thử điện</i>	<i>Chiếc</i>	01
9	Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Búa nguội</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Búa cao su</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Dũa dẹt</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bộ cờ lê</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Mỏ lét</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bộ lục giác</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước cặp</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước ni vô</i>	<i>Chiếc</i>	01

	<i>Căn lá</i>	<i>Chiếc</i>	01
10	Bộ dụng cụ đo lường nghề điện	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Đồng hồ Ampe kìm</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Đồng hồ Ampe mét</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Đồng hồ mê ga ôm mét</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Đồng hồ vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Đồng hồ vôn mét</i>	<i>Chiếc</i>	01
11	Bộ dụng cụ đo cơ khí	Bộ	01
	<i>Bàn máp</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Đài vạch</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước cặp cơ</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước cặp hiển thị số</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước đo chiều sâu</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thước đo cao</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Panme đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Panme đo trong</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Com pa đo ngoài</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Com pa đo trong</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Com pa vạch</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Calíp trục</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Calíp lỗ</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Ca líp côn</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Êke</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Đồng hồ so đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Đồng hồ so đo lỗ</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Mẫu so độ nhám</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Căn mẫu</i>	<i>Bộ</i>	01
12	Bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí	Bộ	06

	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	Vam	Bộ	01
	Bộ clê dẹt	Bộ	01
	Bộ clê 6 cạnh chìm	Bộ	01
	Tuốc nơ vít đóng 4 chấu	Chiếc	01
	Tuốc nơ vít đóng dẹt	Chiếc	01
	Kìm bằng	Chiếc	01
	Kìm tháo phanh trong	Chiếc	01
	Kìm tháo phanh ngoài	Chiếc	01
	Búa mềm	Chiếc	01
	Búa nguội	Chiếc	01
	TỔNG		17

PHÒNG 6: PHÒNG THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ GIA CÔNG TRÊN MÁY CNC

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	07
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy tiện CNC	Chiếc	01
4	Máy phay CNC	Chiếc	01
5	Máy mài sửa dụng cụ cắt khi gia công CNC	Chiếc	01
6	Đồ gá chuyên dùng cho máy phay CNC	Chiếc	01
7	Hệ thống khí nén	Bộ	01
8	Tủ để dụng cụ	Chiếc	01
9	Bộ dao tiện CNC	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	Dao tiện ngoài	Chiếc	01
	Dao tiện rãnh ngoài	Chiếc	01
	Dao tiện ren ngoài	Chiếc	01
	Dao tiện lỗ	Chiếc	01
	Dao tiện rãnh trong	Chiếc	01

	<i>Dao tiện ren trong</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Dao tiện lỗ bậc</i>	<i>Chiếc</i>	01
10	Bộ dao phay CNC	Bộ	01
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Dao phay mặt đầu</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Dao phay mặt đầu gắn mảnh hợp kim</i>	<i>Chiếc</i>	01
	TỔNG		16

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài
Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, an toàn trong quá trình giảng dạy.

2. Đội ngũ nhà giáo (8)

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định: Giáo viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Hàn và có chứng chỉ năng lực Tiếng Hàn bậc 4 (Topik 4) trở lên.

b) Tổng số nhà giáo: 03 người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 03 người.
- Nhà giáo thỉnh giảng: 0 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: giờ/năm).
- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 0 người (tổng số giờ...giảng dạy/năm:... giờ/năm).

c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 10 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Thị Thu Hương	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc	CC NVSP		MH01: Nhập môn tiếng Hàn. MĐ02, MĐ06, MĐ13: Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ03, MĐ07, MĐ14: Viết tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ17, MĐ19: Thực hành năng lực tiếng Hàn.
2	Nguyễn Thị Hường	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc	CC NVSP		MĐ05, MĐ09, MĐ16: Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ04, MĐ08, MĐ15: Đọc hiểu tiếng Hàn Quốc 1,2,3.

					MĐ18, MĐ20: TH biên phiên dịch tiếng Hàn. MH21: Tiếng HQ thương mại.
3	Nguyễn Thị Vân	ĐH tiếng Hàn Quốc	NVSP ĐH, CĐ		MH10: Địa lý kinh tế Hàn Quốc MH11: Lịch sử Hàn Quốc MH12: Văn hóa xã hội và doanh nghiệp Hàn Quốc MH22: Tiếng Hàn Quốc soạn thảo văn bản MH23: Tiếng Hàn Quốc quản trị văn phòng

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Đội ngũ giáo viên đáp ứng đủ về số lượng, yêu cầu chuyên môn: có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Hàn từ Cao đẳng trở lên.

3. Chương trình đào tạo (9)

- Chương trình đào tạo: Ngành Cơ khí, trình độ Cao đẳng.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và có điểm trung bình từ 6,0 trở lên.
- Thời gian đào tạo: 03 năm học.
- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Cao đẳng Cơ khí.

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Giáo trình năm nhất học tại CTECH (Giáo trình tham khảo)

- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyện/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần ngữ pháp).

- Tiếng Hàn Yonsei 1-1 = Yonsei Korean 1-1/ Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 1- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn Yonsei 1-2 = Yonsei Korean 1-2 / Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 2- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần viết).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần đọc).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2011; (Phần nghe, nói).

b. Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST

Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST sẽ được học theo chương trình chuẩn của nhà trường, đảm bảo đúng quy định của Hàn Quốc.

III. Ngành Tự động hóa, trình độ Cao đẳng, quy mô tuyển sinh/năm: 30 học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có): Phía Trường CST không có yêu cầu cụ thể về danh mục cơ sở vật chất. (Nội dung đã được xác nhận qua thư của Trường). CTECH chủ động để đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo cho học sinh đạt năng lực tiếng Hàn Quốc (Topik) từ cấp 2 trở lên.

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (6)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 05 phòng (tổng diện tích: 300m²).
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 03 phòng, xưởng (tổng diện tích: 210m²).
- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 0 phòng, cơ sở (tổng diện tích: m²).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (7).

PHÒNG 1: PHÒNG KỸ THUẬT CƠ SỞ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Mô hình thực hành lắp đặt hệ thống an toàn điện	Bộ	03
4	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Tủ cứu thương	Chiếc	01
	Panh	Chiếc	01
	Kéo	Chiếc	01
	Bông băng, gạc,	Bộ	01
	Cáng cứu thương	Chiếc	01
5	Trang phục bảo hộ lao động	Bộ	06
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Ủng cao su	Đôi	01
	Găng tay cao su	Đôi	01
	Thảm cao su	Chiếc	01
	Ghế cách điện	Chiếc	01
	Sào cách điện	Chiếc	01
	Dây an toàn	Chiếc	01
	Mũ bảo hộ	Chiếc	01
	Quần, áo bảo hộ	Bộ	01
	Kính bảo hộ, khẩu trang, găng tay bảo hộ	Bộ	01
6	Bộ mẫu vật liệu kỹ thuật điện	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Mô đun mẫu vật liệu cách điện	Bộ	01
	Mô đun mẫu vật liệu dẫn điện	Bộ	01
	Mô đun mẫu các dây điện, dây cáp	Bộ	01
	Mô đun mẫu vật liệu dẫn từ	Bộ	01
7	Tủ đựng dụng cụ thiết bị	chiếc	01

8	Quy định an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01
	TỔNG		08

PHÒNG 2: PHÒNG TIN HỌC ỨNG DỤNG

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thiết bị mạng truyền thông cơ bản:	Bộ	06
	<i>Modem + bộ phát Wifi</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Switch dùng chia mạng</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Card mạng có dây,</i>	<i>Bộ</i>	03
	<i>Card mạng không dây</i>	<i>Bộ</i>	03
	<i>Dây mạng</i>	<i>Thùng</i>	01
2	Máy vi tính	Bộ	19
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
4	Phần mềm vẽ điện-điện tử	Bộ	01
5	Phần mềm autocad	Bộ	01
6	Phần mềm Window, Microsoft office.	Bộ	01
7	Phần mềm lập trình cấu trúc	Bộ	01
8	Phần mềm lập trình hướng đối tượng	Bộ	01
9	Phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu	Bộ	01
	TỔNG		32

PHÒNG 3: PHÒNG NGOẠI NGỮ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khối điện khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	30
7	Tai nghe	Bộ	30

8	Scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
	TỔNG		67

PHÒNG 4: PHÒNG KỸ THUẬT ĐIỆN

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn thực hành đa năng	Chiếc	6
2	Thiết bị đo lường điện cầm tay	Bộ	6
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	Am pe kìm	Chiếc	1
	Mê gôm mét	Chiếc	1
	Tốc độ kế	Chiếc	1
	Đồng hồ vạn năng số	Chiếc	1
3	Mô đun tải một pha, ba pha điện trở- điện cảm- điện dung	Bộ	6
4	Bộ thí nghiệm máy biến áp 1 pha	Bộ	3
5	Bộ thí nghiệm máy biến áp 3 pha	Bộ	3
6	Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha	Bộ	3
7	Bộ thí nghiệm động cơ 3 pha	Bộ	3
8	Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 1 pha	Bộ	3
9	Bộ thí nghiệm máy phát điện xoay chiều 3 pha	Bộ	3
10	Máy vi tính	Bộ	7
11	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
12	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	6
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	Tuốc nơ vít	Bộ	1
	Kìm cắt dây	Chiếc	1
	Kìm tuốt dây	Chiếc	1
	Kìm mỏ nhọn	Chiếc	1
	Kìm điện	Chiếc	1

	<i>Kìm ép cốt</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Bút thử điện</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Mỏ hàn xung</i>	<i>Chiếc</i>	1
13	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	1
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Búa nguội</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Búa cao su</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Dũa</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cưa tay (cưa sắt)</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Khẩu</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Vam 3 chấu</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Dùi đồng</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Hộp dụng cụ</i>	<i>Chiếc</i>	1
14	Bàn thực hành	chiếc	4
15	Tủ đựng thiết bị dụng cụ	chiếc	1
	TỔNG		56

PHÒNG 5: PHÒNG PHÂN TỬ VÀ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG CÔNG NGHIỆP

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn thực hành đa năng	Chiếc	06
2	Bộ thực hành cảm biến <i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	Bộ	02
	<i>Cảm biến nhiệt trở</i>	<i>Module</i>	01
	<i>Cặp nhiệt điện</i>	<i>Module</i>	01
	<i>Cảm biến thu phát quang</i>	<i>Module</i>	01
	<i>Cảm biến quang trở</i>	<i>Module</i>	01
	<i>Cảm biến từ</i>	<i>Module</i>	01
	<i>Cảm biến điện dung</i>	<i>Module</i>	01
	<i>Cảm biến khối</i>	<i>Module</i>	01

	Cảm biến áp suất	Module	01
	Cảm biến hồng ngoại	Module	01
	Cảm biến độ ẩm	Module	01
	Cảm biến RF	Bộ	01
	Cảm biến hành trình	Bộ	01
	Đèn báo trạng thái	Module	01
	Cảm biến trọng lượng	Chiếc	01
	Cảm biến mức	Chiếc	01
	Cảm biến tốc độ	Chiếc	01
	Bộ nguồn thí nghiệm	Chiếc	01
3	Module thực hành động cơ	Bộ	02
4	Mô hình thực hành thiết bị thông minh	Bộ	02
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Hệ thống camera	Bộ	01
	Hệ thống chiếu sáng	Bộ	01
	Hệ thống điều hòa	Bộ	01
	Hệ thống an ninh	Bộ	01
	Hệ thống thông gió	Bộ	01
	Hệ thống khóa cửa	Bộ	01
5	Bộ khí cụ điện	Bộ	02
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Công tắc xoay	Chiếc	01
	Công tắc hành trình	Chiếc	01
	Cầu dao 2 cực	Chiếc	01
	Cầu dao 1 pha 2 ngả	Chiếc	01
	Cầu dao 3 pha 3 ngả	Chiếc	01
	Nút ấn kép	Chiếc	03
	Khóa điện	Chiếc	01
	Nút nhấn dừng khẩn cấp	Chiếc	01

	Công tắc tơ	Chiếc	02
	Áp to mát 1P	Chiếc	01
	Áp to mát 3P	Chiếc	01
	Áp to mát chống dòng rò	Chiếc	01
	Rơ le trung gian	Chiếc	01
	Rơ le bảo vệ thứ tự phá, mất pha, lệch pha	Chiếc	01
	Rơ le bảo vệ quá áp	Chiếc	01
	Rơ le bảo vệ thấp áp	Chiếc	01
	Rơ le bảo vệ quá dòng	Chiếc	01
	Rơ le nhiệt	Chiếc	01
	Rơ le thời gian	Chiếc	01
	Bộ đếm counter	Chiếc	01
6	Bàn thực hành logic lập trình (PLC)	Bộ	02
7	Mô hình thực hành điện khí nén Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	01
	Xi lanh khí	Bộ	03
	Công tắc điện khí nén	Chiếc	03
	Van khí 5/3 điều khiển điện	Chiếc	02
	Van khí 5/2 điều khiển điện	Chiếc	05
	Van khí 3/2 điều khiển điện	Chiếc	01
	Lọc khí	Bộ	01
	Xy lanh	Bộ	01
	Máy khí nén	Chiếc	01
	Van đảo chiều	Chiếc	01
	Van 1 chiều	Chiếc	01
	Van logic	Chiếc	01
	Van tiết lưu	Chiếc	01
	Van xả nhanh	Chiếc	01
	Van an toàn	Chiếc	01

	<i>Van điều áp</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Nút ấn</i>	<i>Chiếc</i>	02
	<i>Công tắc hành trình điện</i>	<i>Chiếc</i>	02
	<i>Hệ thống ống nổi khí</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Rơ le trung gian</i>	<i>Chiếc</i>	02
	<i>Rơ le thời gian</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Khởi nguồn</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Khởi nút nhấn</i>	<i>Chiếc</i>	02
	<i>Khởi PLC</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Khởi tín hiệu khẩn cấp</i>	<i>Chiếc</i>	02
	<i>Khởi đèn chỉ thị</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Máy nén khí</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Mô đun PLC</i>	<i>Chiếc</i>	01
8	Module thực hành điện thủy lực Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	01
	<i>Van dẫn hướng bằng tay 4/3 way</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van dẫn hướng solenoid 4/3 way kiểu M</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van dẫn hướng solenoid 4/3 way kiểu</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van dẫn hướng solenoid 4/3 way kiểu Y</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van dẫn hướng solenoid 4/2 way</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van xả</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van điều chỉnh</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van tiết lưu định hướng</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Van định hướng</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Module đồng hồ đo</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Động cơ thủy lực</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Module bảo vệ nguồn</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Thùng dầu</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Công tắc Stroke</i>	<i>Chiếc</i>	01

	<i>Module Role</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Khởi nút nhấn</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Module dừng khẩn cấp</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Module điều khiển nguồn</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Khởi PLC</i>	<i>Chiếc</i>	01
9	Thiết bị Smartphone	Bộ	02
10	Mô hình thiết bị chiếu sáng công nghiệp	Bộ	02
11	Mô hình mạch điện các máy công cụ <i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	Bộ	02
	<i>Máy tiện</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Máy phay</i>	<i>Bộ</i>	01
12	Máy vi tính	Bộ	07
13	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
14	Dụng cụ cầm tay nghề điện <i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	Bộ	06
	<i>Tuốc nơ vít</i>	<i>Bộ</i>	01
	<i>Kìm cắt dây</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm tuốt dây</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm mỏ nhọn</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm điện</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Kìm ép cốt</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Bút thử điện</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Mỏ hàn xung</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Hộp đựng dụng cụ dạng ngăn xếp</i>	<i>Chiếc</i>	01
15	Dụng cụ cơ khí cầm tay <i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	Bộ	01
	<i>Búa nguội</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Búa cao su</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Dũa</i>	<i>Chiếc</i>	01
	<i>Cưa tay (cưa sắt)</i>	<i>Chiếc</i>	01

	Khẩu	Chiếc	01
	Vam 3 chấu	Chiếc	01
	Dùi đồng	Chiếc	01
	Thước lá	Chiếc	01
	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	01
16	Dụng cụ đo lường điện cầm tay Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	06
	Máy hiện sóng	Bộ	01
	Mê gôm mét	Chiếc	01
	Tốc độ kế	Chiếc	01
	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	01
17	Tủ đựng dụng cụ thiết bị	chiếc	01
18	Các mô đun phần mềm mô phỏng thiết bị	Bộ	01
	TỔNG		18

PHÒNG 6: PHÒNG ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn thực hành điều khiển động cơ Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	02
	Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện một chiều dùng hệ Tiristo- Động cơ 1 chiều	Bộ	01
	Bộ điều khiển tốc độ động cơ điện một chiều biến đổi DC	Bộ	01
	Bộ Điều chỉnh tốc độ động cơ điện xoay chiều 3 pha dùng biến tần PWM	Bộ	01
	Bộ điều khiển động cơ bước	Bộ	01
2	Mô hình điều khiển động cơ Servo	Bộ	02
3	Modun thực hành cảm biến Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	02
	Nguồn điện 1 chiều	Chiếc	01
	Nguồn điện xoay chiều	Chiếc	01
	Cảm biến nhiệt trở	Bộ	01

	Cặp nhiệt điện	Bộ	01
	Cảm biến thu phát quang	Bộ	01
	cảm biến quang trở	Bộ	01
	Cảm biến từ	Bộ	01
	Cảm biến điện dung	Bộ	01
	Cảm biến khối	Bộ	01
	Cảm biến áp suất	Bộ	01
	Cảm biến hồng ngoại	Bộ	01
	Cảm biến độ ẩm	Bộ	01
	Cảm biến RF	Bộ	01
	Cảm biến hành trình	Bộ	01
	Đèn báo trạng thái	Bộ	01
	Cảm biến lưu lượng	Bộ	01
	Cảm biến trọng lượng	Bộ	01
	Cảm biến mức	Chiếc	01
	Cảm biến tốc độ	Chiếc	01
	Động cơ	Chiếc	01
4	Bàn thực hành PLC vận năng Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	06
	PCL	Module	01
	Bộ nguồn chuẩn cho PLC	Module	01
	Thanh giá lắp thiết bị PLC	Chiếc	01
	Thẻ nhớ cho PLC	Chiếc	01
	Giắc đầu loại 40 chân cho modun PLC	Module	01
	Modun mở rộng đầu ra vào tương tự	Module	01
	Giắc đầu loại 40 chân cho modun tương tự	Module	01
	Modun mở rộng đầu vào ra logic	Module	01
	Các modun ghép nối mạng truyền thông	Module	01
	Phần mềm lập trình ĐK và giao diện vận hành	Bộ	01

5	Mô đun HMI	Bộ	06
6	Thiết bị Smartphone	Bộ	06
7	Mô hình thang máy	Bộ	02
8	Mô hình điều khiển đèn giao thông	Bộ	02
9	Mô hình thực hành căn hộ thông minh <i>Mỗi bộ bao gồm:</i>	Bộ	02
	<i>Hệ thống camera</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống chiếu sáng</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống điều hòa</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Bình nóng lạnh</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống an ninh</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống rèm cửa</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống thông gió</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống khóa cửa</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Hệ thống chuông cửa</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Thiết bị báo cháy, khói</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Thiết bị hỗ trợ điều khiển qua Wifi</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
10	Máy vi tính	Bộ	07
11	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	06
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>		
	<i>Tuốc nơ vít</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm cắt dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm tuốt dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm mỏ nhọn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm điện</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Kìm ép cốt</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Bút thử điện</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>
	<i>Mỏ hàn sợi đốt</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>

	Mỏ hàn xung	Chiếc	01
	Máy khò tháo chân linh kiện	Chiếc	01
	Ống hút thiếc	Chiếc	01
	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	01
12	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	01
	Búa nguội	Chiếc	01
	Búa cao su	Chiếc	01
	Dũa	Chiếc	01
	Cưa tay (cưa sắt)	Chiếc	01
	Khẩu	Chiếc	01
	Vam 3 chấu	Chiếc	01
	Dùi đồng	Chiếc	01
	Thước lá	Chiếc	01
	Bộ clê đầu chìm	Bộ	01
	Mỏ lét 250mm	Chiếc	01
	Bộ clê det cỡ 8 đến 24	Bộ	01
	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	01
13	Dụng cụ đo lường điện cầm tay Mỗi bộ bao gồm:	Bộ	06
	Máy hiện sóng	Bộ	01
	Mê gôm mét	Chiếc	01
	Tốc độ kế	Chiếc	01
	Đồng hồ vạn năng số	Chiếc	01
14	Tủ đựng dụng cụ thiết bị	Chiếc	01
15	Phần mềm cài đặt và lập trình Smartphone	Bộ	01
16	Các mô đun phần mềm mô phỏng hệ thống điều khiển tự động hóa	Bộ	01
	TỔNG		16

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, an toàn trong quá trình giảng dạy.

2. Đội ngũ nhà giáo (8)

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định: Giáo viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Hàn và có chứng chỉ năng lực Tiếng Hàn bậc 4 (Topik 4) trở lên.

b) Tổng số nhà giáo: 03 người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 02 người.
- Nhà giáo thỉnh giảng: 01 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 195 giờ/năm).
- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 0 người (tổng số giờ...giảng dạy/năm:...giờ/năm).

c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 10 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Trần Thị Hạ	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc	NVSP ĐH, CĐ		MH01: Nhập môn tiếng Hàn. MĐ02, MĐ06, MĐ13: Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ03, MĐ07, MĐ14: Viết tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ17, MĐ19: Thực hành năng lực tiếng Hàn.
2	Trần Thị Đào	CĐ Tiếng Hàn Quốc	CC NVSP	CĐ Tiếng Hàn Quốc	MĐ05, MĐ09, MĐ16: Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ04, MĐ08, MĐ15: Đọc hiểu tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ18, MĐ20: TH biên phiên dịch tiếng Hàn. MH10: Địa lý kinh tế HQ. MH11: Lịch sử Hàn Quốc.

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Nguyễn Đức Triều	ĐH Đông Phương học	CC NVSP		MH12: Văn hoá xã hội và doanh nghiệp Hàn Quốc. MH21: Tiếng HQ thương mại. MH22: Tiếng HQ soạn thảo văn bản. MH23: Tiếng HQ quản trị văn phòng.	195

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Đội ngũ giáo viên đáp ứng đủ về số lượng, yêu cầu chuyên môn: có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Hàn từ Cao đẳng trở lên.

3. Chương trình đào tạo (9)

- Chương trình đào tạo: Ngành Tự động hóa, trình độ Cao đẳng.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và có điểm trung bình từ 6,0 trở lên.
- Thời gian đào tạo: 03 năm học.
- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Cao đẳng Tự động hóa.

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Giáo trình năm nhất học tại CTECH (Giáo trình tham khảo)

- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần ngữ pháp).
- Tiếng Hàn Yonsei 1-1 = Yonsei Korean 1-1/ Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 1- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn Yonsei 1-2 = Yonsei Korean 1-2 / Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 2- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.

- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần viết).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần đọc).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2011; (Phần nghe, nói).

b. Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST

Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST sẽ được học theo chương trình chuẩn của nhà trường, đảm bảo đúng quy định của Hàn Quốc.

IV. Ngành Kinh doanh khởi nghiệp, trình độ Cao đẳng, quy mô tuyển sinh/năm: 30 học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có): Phía Trường CST không có yêu cầu cụ thể về danh mục cơ sở vật chất. (Nội dung đã được xác nhận qua thư của Trường). CTECH chủ động để đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo cho học sinh đạt năng lực tiếng Hàn Quốc (Topik) từ cấp 2 trở lên.

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (6)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 05 phòng (tổng diện tích: 300m²).

- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 02 phòng, xưởng (tổng diện tích: 140m²).

- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 0 phòng, cơ sở (tổng diện tích: ...m²).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (7)

PHÒNG 1: PHÒNG NGOẠI NGỮ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1

5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
6	Máy vi tính	Bộ	30
7	Tai nghe	Bộ	30
8	Scanner	Chiếc	1
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1
	TỔNG		67

PHÒNG 2: PHÒNG KỸ THUẬT CƠ SỞ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Phần mềm hệ điều hành máy tính	Bộ	1
4	Phần mềm văn phòng	Bộ	1
5	Phần mềm gõ Tiếng Việt	Bộ	1
6	Phần mềm từ điển Anh -Việt	Bộ	1
7	Trình duyệt Web	Bộ	1
8	Đường truyền Internet	Line	1
9	Hệ thống âm thanh <i>Bao gồm các thiết bị:</i>	Hệ thống	1
	<i>Amly âm thanh</i>		
	<i>Loa âm thanh</i>		
10	Bảng ghim	Chiếc	1
11	Bảng di động	Chiếc	1
	TỔNG		11

PHÒNG 3: PHÒNG THỰC HÀNH MÁY VI TÍNH

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	19
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Bộ phần mềm văn phòng	Bộ	1

4	Bộ phần mềm phonh chữ tiếng Việt	Bộ	1
5	Bộ phần mềm học tiếng Hàn	Bộ	1
6	Phần mềm diệt virus	Bộ	1
7	Scanner	Chiếc	1
8	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1
9	Hệ thống mạng LAN <i>Bao gồm các thiết bị:</i> <i>Switch - Patch panel</i>	Hệ thống	1
	<i>-WallPlate - Hệ thống cáp</i>		
10	Đường truyền Internet	Line	1
11	Phần mềm quản lý lớp học	Bộ	1
12	Máy in	Bộ	1
13	Phần mềm lập trình cơ bản	Bộ	1
14	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Bộ	1
15	Phần mềm truyền tệp tin (FTP)	Bộ	1
16	Phần mềm điều khiển (trợ giúp từ xa)	Bộ	1
17	Phần mềm Backup và Restore dữ liệu	Bộ	1
18	Phần mềm quản lý phân chia ổ đĩa cứng	Bộ	1
19	Phần mềm tiện ích Boot khởi động máy tính	Bộ	1
20	Phần mềm diệt Virus	Bộ	1
21	Mô hình dàn trải máy tính	Bộ	1
22	Phần mềm mô phỏng hệ thống mạng máy tính	Bộ	1
23	Ổ cứng	Chiếc	19
24	Bộ xử lý máy trạm	Chiếc	19
25	Bo mạch chủ máy trạm	Chiếc	19
26	Bộ nhớ RAM máy trạm	Chiếc	19
27	Bộ nguồn máy trạm	Chiếc	19
28	Card mạng không dây (Wireless Card)	Chiếc	19
29	Máy hàn cáp quang	Bộ	3
30	Máy kiểm tra thông quang	Bộ	3

31	Bộ lưu điện (UPS)	Bộ	19
32	Bảng ghim	Chiếc	1
33	Bảng di động	Chiếc	1
34	Bàn thực hành tháo,lắp	Chiếc	19
35	Mô đun quang	Chiếc	19
36	Convert quang	Chiếc	19
37	Patch Panel	Chiếc	3
38	Switch Layer 2	Chiếc	3
39	Switch layer 3	Chiếc	3
40	Tường lửa (Firewall)	Chiếc	3
41	Modem Wifi	Chiếc	3
42	Thiết bị hỗ trợ VPN	Chiếc	3
43	Router	Chiếc	3
44	Tủ mạng	Chiếc	1
45	Các loại Jack gắn tường	Chiếc	19
46	Bộ cáp mẫu (cáp UTP cat6, cáp serial, cáp nhảy quang)	Chiếc	3
	TỔNG		46

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, an toàn trong quá trình giảng dạy.

2. Đội ngũ nhà giáo (8)

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định: Giáo viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Hàn và có chứng chỉ năng lực Tiếng Hàn bậc 4 (Topik 4) trở lên.

b) Tổng số nhà giáo: 03 người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 02 người.
- Nhà giáo thỉnh giảng: 01 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 105 giờ/năm).
- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 0 người (tổng số giờ...giảng dạy/năm:... giờ/năm).

c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 10 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Văn Kết	CD Tiếng Hàn Quốc	NVSP ĐH, CD	CD Tiếng Hàn Quốc	MH 01: Nhập môn Tiếng Hàn. MH21: Tiếng HQ thương mại. MĐ04, MĐ08, MĐ15: Đọc hiểu tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ05, MĐ09, MĐ16: Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MH21: Tiếng Hàn Quốc thương mại MH22: Tiếng Hàn Quốc soạn thảo văn bản MH23: Tiếng Hàn Quốc quản trị văn phòng
2	Lê Thị Mơ	ĐH Ngôn ngữ HQ	NVSP ĐH, CD		MĐ02, MĐ06, MĐ13: Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ03, MĐ07, MĐ14: Viết tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MH10: Địa lý kinh tế HQ. MH11: Lịch sử Hàn Quốc. MH12: Văn hoá xã hội và doanh nghiệp Hàn Quốc. MĐ17, MĐ19: Thực hành năng lực tiếng Hàn.

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Lê Phương Thuý	ĐH Tiếng Hàn Quốc	NVSP TC, CD nghề		MĐ18: Biên phiên dịch Tiếng Hàn MĐ20: TH biên phiên dịch tiếng Hàn.	105

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Đội ngũ giáo viên đáp ứng đủ về số lượng, yêu cầu chuyên môn: có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Hàn từ Cao đẳng trở lên.

3. Chương trình đào tạo (9)

- Chương trình đào tạo: Ngành Kinh doanh khởi nghiệp, trình độ Cao đẳng.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và có điểm trung bình từ 6,0 trở lên.
- Thời gian đào tạo: 03 năm học.
- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Cao đẳng Kinh doanh khởi nghiệp.

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Giáo trình năm nhất học tại CTECH (Giáo trình tham khảo)

- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần ngữ pháp).
- Tiếng Hàn Yonsei 1-1 = Yonsei Korean 1-1/ Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 1- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn Yonsei 1-2 = Yonsei Korean 1-2 / Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 2- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần viết).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần đọc).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2011; (Phần nghe, nói).

b. Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST

Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST sẽ được học theo chương trình chuẩn của nhà trường, đảm bảo đúng quy định của Hàn Quốc.

V. Ngành Nghệ thuật làm đẹp (Beauty Art), trình độ Cao đẳng, quy mô tuyển sinh/năm: 30 học sinh, sinh viên

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị theo chương trình đào tạo (nếu có): Phía Trường CST không có yêu cầu cụ thể về danh mục cơ sở vật chất. (Nội dung đã được xác nhận

qua thư của Trường). CTECH chủ động đề đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo cho học sinh đạt năng lực tiếng Hàn Quốc (Topik) từ cấp 2 trở lên.

b) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy: (6)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 05 phòng (tổng diện tích: 300 m²).
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 02 phòng, xưởng (tổng diện tích: 140 m²).
- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 0 phòng, cơ sở (tổng diện tích:.....m²).

c) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng (7)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
6	Máy vi tính	Bộ	19
7	Tai nghe	Bộ	19
8	Máy scanner	Chiếc	1
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1
	TỔNG		45

d) Thuyết minh cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, an toàn trong quá trình giảng dạy.

2. Đội ngũ nhà giáo (8)

a) Yêu cầu đối với nhà giáo theo chương trình đào tạo hoặc theo quy định: Giáo viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Hàn và có chứng chỉ năng lực Tiếng Hàn bậc 4 (Topik 4) trở lên.

b) Tổng số nhà giáo: 03 người. Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 03 người.
- Nhà giáo thỉnh giảng: 0 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: giờ/năm).
- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 0 người (tổng số giờ...giảng dạy/năm:... giờ/năm).

c) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 10 học sinh, sinh viên/nhà giáo

d) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Thị Vân	ĐH Tiếng Hàn Quốc	NVSP ĐH, CĐ		MĐ05, MĐ09, MĐ16: Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ04, MĐ08, MĐ15: Đọc hiểu tiếng Hàn Quốc 1,2,3. MĐ18, MĐ20: TH biên phiên dịch tiếng Hàn. MH21: Tiếng HQ thương mại.
2	Đặng T Hoài Xuân	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc	CC NVSP		MH10: Địa lý kinh tế HQ. MH11: Lịch sử Hàn Quốc. MH12: Văn hoá xã hội và doanh nghiệp Hàn Quốc. MĐ17, MĐ19: Năng lực và thực hành năng lực tiếng Hàn
3	Trần Thị Đào	CĐ Tiếng Hàn Quốc	CC NVSP	CĐ Tiếng Hàn Quốc	MH01: Nhập môn Tiếng Hàn MĐ02, MĐ06, MĐ13: Ngữ pháp Tiếng Hàn 1,2,3 MĐ03, MĐ07, MĐ14: Viết tiếng Hàn 1,2,3 MH22: Tiếng HQ soạn thảo văn bản. MH23: Tiếng HQ quản trị VP.

đ) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

e) Thuyết minh nhà giáo đáp ứng quy mô liên kết đào tạo với nước ngoài

Đội ngũ giáo viên đáp ứng đủ về số lượng, yêu cầu chuyên môn: có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Hàn từ Cao đẳng trở lên.

3. Chương trình đào tạo (9)

- Chương trình đào tạo: Ngành Nghệ thuật làm đẹp, trình độ Cao đẳng.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và có điểm trung bình từ 6,0 trở lên.
- Thời gian đào tạo: 03 năm học.
- Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Cao đẳng Nghệ thuật làm đẹp.

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Giáo trình năm nhất học tại CTECH (Giáo trình tham khảo)

- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang - Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần ngữ pháp).
- Tiếng Hàn Yonsei 1-1 = Yonsei Korean 1-1/ Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 1- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn Yonsei 1-2 = Yonsei Korean 1-2 / Học viện ngôn ngữ đại học Yonsei. Tập 1, phần 2- Korea: trường đại học Yonsei, 2011.
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần viết).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2013; (Phần đọc).
- Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam- sơ cấp 1- Cho Hang Rok/ Lee Min Hye/ Lê Đăng Hoan/ Lê Thanh Giang/ Đỗ Ngọc Luyến/ Lương Nguyễn Thanh Trang- Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF Korean foundation)- 2011; (Phần nghe, nói).

b. Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST

Giáo trình, tài liệu năm 2, 3 học tại Trường CST sẽ được học theo chương trình chuẩn của nhà trường, đảm bảo đúng quy định của Hàn Quốc.

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN;
- Lưu văn thư./.

